

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2023

*“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lý Thị Thịnh** và ông **Lưu Xuân Thảo**

Thư ký phiên toà: Bà **Bào Kim Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2023/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Bồn Văn Th**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Tr** và anh **Bồn Văn Th** kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện được tìm hiểu về nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang vào ngày 18/01/2012. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, nhưng không tập trung làm ăn, không gửi tiền về cho vợ nuôi con, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung,

bất đồng quan điểm sống và có quan hệ ngoài hôn nhân. Từ năm 2021 vợ chồng hay cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên anh Th đã tự ý bỏ đi làm ăn riêng và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân, chị Tr chủ động liên lạc với anh Th để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Th không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến chị Tr, kinh tế mỗi người tự làm tự lo cuộc sống riêng, thỉnh thoảng anh T về bên nhà mẹ đẻ ở xã Đ, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang ở mấy ngày rồi lại đi làm ăn, chị Tr và anh T chỉ liên lạc gọi điện cho nhau để nói chuyện về tiền ăn học cho con chung. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bồn Văn Th.

- Về con chung: Chị Tr và anh Th có 01 con chung là Bồn Trần Tuấn A, sinh ngày 20/5/2014. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Bồn Văn Th: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh Th không hợp tác, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn Bồn Văn Th không đến Tòa án để làm việc.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Trần Thị T và anh Bồn Văn Th có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn có nơi cư trú, sinh sống và làm ăn tại xã K, huyện Ba Bể. Quá trình chung sống thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh Th thường xuyên đi làm ăn xa nhà nhưng lại không chăm lo làm kinh tế gia đình, làm đến đâu chi tiêu cá nhân hết, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi, chửi nhau. Do có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, anh Th ít khi về xã K sinh sống mà thường xuyên đi làm thuê nhiều nơi khác nhau, chỉ thỉnh thoảng ngày nghỉ, lễ, Tết mới thấy về nhà mẹ đẻ ở xã Đ, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang tuy nhiên cũng không có đăng ký tạm trú theo quy định.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Th nhiều lần để làm việc nhưng anh Th không có mặt, phiên tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Bồn Văn Th vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ

khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu và ý kiến của nguyên đơn thấy, chị Trần Thị Tr và anh Bồn Văn Th có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị Tr xác định vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân nên theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr xin ly hôn với anh Bồn Văn Th là có căn cứ.

- Về con chung: Chị Tr và anh Th có 01 con chung là Bồn Trần Tuấn A, sinh ngày 20/5/2014. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị Trình được ly hôn với anh Bồn Văn Th.

* Về con chung: Giao con chung Bồn Trần Tuấn A, sinh ngày 20/5/2014 cho chị Trần Thị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Anh Bồn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn Bồn Văn Th không hợp tác và được Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh Th không có mặt, chị T không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 207/BLTTDS. Tuy nhiên, vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 208/BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn Bồn Văn Th đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Bồn Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang vào ngày 18/01/2012. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi làm ăn xa nhà nhưng kinh tế vợ chồng không tập trung, làm đến đâu đều chi tiêu cá nhân hết, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Khi sống ly thân, chị Tr chủ động liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Th không về chung sống với chị Tr, mỗi người sống một nơi, tự làm tự lo cuộc sống riêng. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh Bồn Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị Tr và các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương thấy quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh Th là đúng thực tế, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người một nơi, kinh tế tự làm ăn riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Th không hợp tác để trình bày ý kiến, quan điểm, chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Tr và anh Th có 01 con chung là Bồn Trần Tuấn A, sinh ngày 20/5/2014. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh Th hiện nay đi làm ở nhiều nơi (không có nơi ở ổn định), không trực tiếp nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến gì khi Tòa án giải quyết vụ án. Mặt dù, tại thời điểm giải quyết vụ án con chung được anh Th

chuyển về học tại Trường tiểu học Đ, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang nhưng học theo hình thức bán trú được nhà nước nuôi ăn học trong những ngày hành chính, cuối tuần (thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết, nghỉ hè) con được nhà trường cho về với gia đình nhưng anh Th không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi con trong những ngày nghỉ và kỳ nghỉ hè mà phải nhờ anh em gia đình bên nội chăm sóc, đưa đón. Mặt khác, chị Tr có công việc và thu nhập ổn định, có nhà riêng tại xã K đồng thời cũng thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi con mặc dù ở xa nhưng vẫn trực tiếp đến thăm nom con chung hàng tháng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi cũng là phù hợp với nguyện vọng của con là được ở cùng mẹ (Trần Thị Tr) và quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Bồn Văn Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn Trần Thị T, chị T được ly hôn với anh Bồn Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung Bồn Trần Tuấn A, sinh ngày 20/5/2014 cho chị Trần Thị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Bồn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001152 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP; Lưu trữ:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thịnh + Lưu Xuân Thảo

Ma Thị Nguyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thăng Bắc + Chu Thị Thu Trang Ma Thị Nguyên

